

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN TỨC

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

Chuyên ngành : Kinh tế phát triển
Mã số : 60.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NINH THỊ THU THỦY

Phản biện 1: GS. TS. Lê Thế Giới

Phản biện 2: TS. Hoàng Hồng Hiệp

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Kinh tế phát triển họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 12 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Người dân Đại Lộc chủ yếu sinh sống bằng các nghề thuần nông, huyện có lợi thế về đất đai phù hợp với phát triển nông nghiệp. Huyện xác định nông nghiệp là ngành có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho nông dân. Bên cạnh đó nông nghiệp của huyện vẫn còn nhiều hạn chế, cần giải quyết như nông nghiệp phát triển chưa đúng tiềm năng, lợi thế của huyện, phát triển nông nghiệp còn manh mún, phát triển chưa chiều sâu. Vì vậy, phát triển nông nghiệp được coi là một yêu cầu cấp thiết của huyện .

Từ vấn đề cấp thiết trên, tác giả chọn đề tài “Phát triển nông nghiệp (Theo nghĩa hẹp: Trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ trong nông nghiệp) trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam” để nâng cao giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và tìm ra hướng đi mới phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp.
- Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Đại Lộc giai đoạn 2010 - 2014.
- Đề xuất các giải pháp phát triển nông nghiệp huyện Đại Lộc trong thời gian tới theo hướng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: là nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển nông nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: đề tài nghiên cứu về phát triển nông nghiệp theo nghĩa hẹp bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ

trong nông nghiệp trên địa bàn của huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Về thời gian: nghiên cứu phát triển nông nghiệp trên địa bàn của huyện giai đoạn 2010-2014, đề xuất giải pháp đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp thống kê để mô tả thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Đại Lộc.

- Sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp trong việc phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp và phương pháp khác.

5. Ý nghĩa khoa học của đề tài.

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần đưa ra những căn cứ và cơ sở khoa học cũng như những giải pháp cụ thể đáp ứng các yêu cầu bức thiết cho quy hoạch nông nghiệp. Đồng thời giúp ngành nông nghiệp của huyện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý trên quan điểm phát triển áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ, góp phần tăng thu nhập cho nhân dân trong vùng. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là cơ sở để xây dựng chiến lược PTNN của huyện Đại Lộc từ nay đến năm 2020.

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và các phụ lục, nội dung chính của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp

Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

Chương 3: Phương hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp tại huyện Đại Lộc trong thời gian đến.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Tham khảo một số kinh nghiệm, bài viết nghiên cứu về phát triển nông nghiệp

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm về nông nghiệp

- Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nông nghiệp nếu xét theo đối tượng sản xuất của nó sẽ bao hàm các ngành: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản. Nông nghiệp theo nghĩa hẹp bao gồm: Trồng trọt chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp là tổng thể các biện pháp nhằm tăng sản lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường trên cơ sở khai thác các nguồn lực trồng nông nghiệp một cách hợp lý và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất.

1.1.2. Vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

Nông nghiệp của các nước đang phát triển là khu vực dự trữ và cung cấp lao động cho phát triển công nghiệp và đô thị.

Nông nghiệp còn cung cấp nguồn nguyên liệu to lớn và quý giá cho công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến.

Khu vực nông nghiệp là nguồn cung cấp vốn lớn nhất cho sự phát triển kinh tế trong đó có công nghiệp.

Nông nghiệp và nông thôn là thị trường tiêu thụ lớn .

1.1.3. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp được tiến hành trên địa bàn rộng lớn, phức tạp, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được.

Đối tượng là cơ thể sống - cây trồng và vật nuôi.

Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Phát triển quy mô sản xuất nông nghiệp

Nền nông nghiệp phát triển là một nền sản xuất vật chất không những có nhiều hơn về đầu ra, đa dạng hơn về chủng loại và phù hợp hơn về cơ cấu, mà còn thoả mãn tốt hơn nhu cầu của xã hội .

Nhóm tiêu chí về phát triển quy mô sản xuất nông nghiệp:

- Sản lượng và mức tăng sản lượng nông nghiệp.
- Giá trị sản lượng và mức tăng giá trị sản lượng nông nghiệp
- Sản lượng nông nghiệp hàng hóa và mức tăng sản lượng nông nghiệp hàng hóa.
- Giá trị sản lượng nông nghiệp hàng hóa và mức tăng giá trị sản lượng nông nghiệp hàng hóa.

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp là quá trình phát triển của các ngành kinh tế thuộc lĩnh vực nông nghiệp dẫn đến sự tăng trưởng khác nhau giữa các ngành so với một thời điểm trước đó.

Nhóm tiêu chí chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp:

- Thay đổi tỷ trọng diện tích cây trồng, lao động.
- Thay đổi tỷ trọng giá trị sản xuất của các ngành trong nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp.
- Thay đổi tỷ trọng giá trị sản xuất trong nội bộ từng ngành.

1.2.3. Huy động và sử dụng hiệu quả các yếu tố nguồn lực

Các nguồn lực trong nông nghiệp gồm đất đai, lao động, vốn, tiến bộ khoa học và công nghệ...

a. Đất nông nghiệp

Đất đai là yếu tố cố định, lại bị giới hạn bởi quy mô, nên người ta phải đầu tư thêm vốn và lao động trên một đơn vị diện tích

nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

b. Lao động trong nông nghiệp

Lao động nông nghiệp là tổng thể sức lao động tham gia vào sản xuất nông nghiệp gồm số lượng và chất lượng người lao động.

Về số lượng những người trong độ tuổi, những người trên và dưới độ tuổi tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Chất lượng lao động gồm thể lực, trí lực, trình độ nhận thức, trình độ chính trị, trình độ văn hóa, nghiệp vụ, tay nghề...

c. Vốn trong sản xuất nông nghiệp.

Vốn trong nông nghiệp được biểu hiện bằng tiền của tư liệu lao động và đối tượng lao động... sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

d. Khoa học công nghệ

Công nghệ theo nghĩa chung nhất là tập hợp những hiểu biết về các phương thức và phương pháp hướng vào cải tạo tự nhiên, phục vụ các nhu cầu con người.

Các tiêu chí đánh giá gia tăng các yếu tố nguồn lực

- Diện tích đất sử dụng.
- Năng suất đất.
- Số lượng lao động qua các năm.
- Sản lượng, thu nhập của 1 lao động/ năm (hoặc 1ha).
- Tổng số vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp.
- Số lượng và giá trị cơ sở vật chất trong nông nghiệp.

1.2.4. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

Các mô hình phát triển nông nghiệp đặc biệt là mô hình của Todaro (1990) đã chỉ ra rằng quá trình này gắn với quá trình thay đổi tổ chức sản xuất nông nghiệp từ sản xuất tự cấp tự túc của hộ gia đình chuyển dần tới mô hình trang trại chuyên môn hóa cao.

Kinh tế trang trại: phát triển kinh tế trang trại góp phần tích cực vào phát triển các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, khắc phục tình trạng sản xuất phân tán, manh mún.

Kinh tế hợp tác xã: hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội ở địa phương, tiếp nhận và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp: được thành lập theo luật doanh nghiệp và hoạt động trên cơ sở liên kết từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ nông sản.

Nhóm tiêu chí về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp:

- Mức tăng tỷ lệ trang trại hay doanh nghiệp trong kinh doanh nông nghiệp.

- Mức tăng tỷ lệ doanh thu của các trang trại hay doanh nghiệp trong kinh doanh nông nghiệp.

- Gia tăng quy mô sản xuất các loại hình tổ chức sản xuất.

1.2.5. Nâng cao trình độ thâm canh trong SXNN

Thâm canh nông nghiệp là quá trình kinh tế rất đa dạng và phức tạp, đặc biệt trong điều kiện sản xuất hiện đại, khi cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã và đang diễn ra một cách mạnh mẽ.

Tiêu chí đánh giá trình độ thâm canh:

- Giống mới và tỷ lệ diện tích giống mới .
- Mức đầu tư trên một đơn vị diện tích và trên lao động nông nghiệp.

- Diện tích đất trồng trọt được tưới tiêu bằng thủy lợi.

- Số lượng máy kéo, các hồ chứa, các trạm bơm.

- Diện tích nhà lưới, sân phơi, nhà kho, kho bảo quản giống..

- Tỷ lệ điện khí hóa, thông tin liên lạc, kết nối internet.

1.2.6. Nâng cao kết quả và đóng góp của SXNN

Kết quả SXNN là những gì nông nghiệp đạt được sau một chu kỳ sản xuất nhất định.

Nâng cao kết quả SXNN thể hiện sự phối hợp các nguồn lực, các yếu tố sản xuất, thể hiện sự lớn mạnh tổng hợp về vốn, lao động, máy móc, thiết bị công nghệ

Tiêu chí phản ánh kết quả và đóng góp của nông nghiệp:

- Tỷ trọng giá trị sản xuất của nông nghiệp trong tổng giá trị sản xuất của địa phương.

- Đóng góp của nông nghiệp vào ngân sách nhà nước.

- Thu nhập, tích lũy của người lao động qua các năm.

- Giảm tỷ lệ đói nghèo của địa phương.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Đất đai

Khí hậu

Nguồn nước

1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

a. Nhân tố về điều kiện kinh tế

- Thứ nhất là thị trường

- Thứ hai là các chính sách nông nghiệp

- Thứ ba là phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

b. Nhân tố điều kiện xã hội

Nhân tố điều kiện xã hội như dân số, truyền thống, dân trí.

1.3.3. Điều kiện kỹ thuật

Điều kiện kỹ thuật có vai trò to lớn đối với sự hình thành và phát triển của các vùng chuyên môn hoá sản xuất nông nghiệp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI LỘC

2.1. ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN ĐẠI LỘC ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Đại Lộc là huyện trung du nằm về phía Tây Bắc tỉnh Quảng Nam, cách trung tâm tỉnh lỵ Tam Kỳ khoảng 70 km, phía Đông giáp huyện Điện Bàn, huyện Duy Xuyên, phía Tây giáp huyện Nam Giang và một phần huyện Đông Giang, phía Nam giáp huyện Duy Xuyên, huyện Quế Sơn, phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng.

b. Địa hình

Đại Lộc là vùng đất vừa có đồng bằng, vừa có rừng núi, mang tính chất trung du. Vùng đồng bằng thuận lợi trồng cây lương thực, thực phẩm, rau quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

c. Thời tiết, khí hậu

Khí hậu ở Đại Lộc là khí hậu nhiệt đới gió mùa thuận lợi cho việc sinh trưởng và phát triển quanh năm của động thực vật, nhiệt độ trung bình là 25,9⁰C.

d. Tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất
- Tài nguyên nước

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

a. Tăng trưởng kinh tế

Năm 2014 tổng giá trị sản xuất đạt 3.667,78 tỷ đồng, tăng

14,48% so với năm 2013. Trong đó, nông nghiệp đóng góp 412,375 tỷ đồng tương ứng 11,24% và tăng 5,11% so với năm 2013.

b. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

c. Dân số, nguồn nhân lực

Đại Lộc có dân số đông, năm 2014 là 149.509 người. Trong đó, nam chiếm 49,37%, nữ chiếm 50,63% và cơ cấu này ít thay đổi qua các năm. Mật độ dân số cao 254,33 người/km².

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI LỘC TRONG THỜI GIAN QUA

2.2.1. Thực trạng phát triển quy mô sản xuất nông nghiệp

Giá trị sản xuất năm 2014 đạt 412,375 tỷ đồng, tăng 5,11% so với năm 2013, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2014 đạt 5,12%.

Bảng 2.1. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp huyện (2010-2014)

(ĐVT: triệu đồng; giá cố định 1994)

	2010	2011	2012	2013	2014	Tốc độ BQ (%)
Ngành NN	340.034,02	354.079,35	375.238,03	392.327,66	412.375,60	5,12%
-Trồng trọt	249.450,01	246.691,40	265.097,74	269.243,45	279.001,78	3,49%
-Chăn nuôi	78.489,42	96.637,21	99.371,48	106.241,03	115.719,95	9,15%
-Dịch vụ	12.094,59	10.750,74	10.771,81	16.843,18	17.653,87	13,53%

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Đại Lộc qua các năm)

a. Trồng trọt

Năm 2014 giá trị sản xuất đạt 279.001,78 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 - 2014 đạt 3,49 %/năm. Trong đó, nhóm cây có giá trị tăng cao như: lúa, ngô, cây chất bột lấy củ, cây rau đậu, cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm.

*Bảng 2.2. Giá trị sản xuất của các nhóm cây trồng tại huyện
(2010-2014)*

	2010	2011	2012	2013	2014	Tốc độ BQ (%)
Lương thực	103.171,97	107.878,85	112.087,28	125.100,25	133.857,27	5,79%
Rau, đậu	52.405,86	40.518,24	56.663,12	66.374,36	73.675,54	13,28%
Cây hàng năm khác	14.432,35	16.122,34	9.350,93	16.502,02	18.977,32	19,49%
Cây ăn quả	79.070,35	81.897,97	75.831,64	61.013,23	56.132,17	-6,09%
Cây lâu năm khác	368,88	274,00	392,96	253,59	238,37	-6,58%

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Đại Lộc qua các năm)

Qua bảng 2.2 cho thấy giai đoạn 2010-2014 giá trị sản xuất cây lương thực tăng bình quân 5,79%/năm, Rau đậu các loại tăng bình quân 13,28%/năm, tăng cao nhất hàng năm khác tăng bình quân 19,49%. Tuy nhiên bên cạnh đó có nhóm cây ăn quả giảm bình quân 6,09%/năm và cây lâu năm khác giảm 6,58%/năm.

Giai đoạn 2010 - 2014 diện tích gieo trồng của một số cây lương thực chính của huyện có xu hướng tăng nhẹ; năng suất, sản lượng các loại cây trồng lương thực, cây ăn quả, rau đậu vẫn ổn định,

b. Chăn nuôi

Năm 2014 giá trị sản xuất chăn nuôi đạt 115.719,95 triệu đồng, tăng bình quân 9,15%/năm trong giai đoạn 2010 – 2014. Tổng đàn gia súc tăng từ 73.940 con năm 2010 lên 75.580 con vào năm 2014, tổng đàn gia cầm cũng tăng từ 257.008 con năm 2010 lên 768.930 con năm 2014.

Bảng 2.3. Sản lượng gia súc, gia cầm của huyện (2010-2014)

ĐVT: con

	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng đàn gia súc	73.940	71.388	74.526	75.580	76.649
- Trâu	4.380	4.349	4.169	4.148	4.127
- Bò	20.445	19.112	9.982	10.650	11.363
- Heo	49.115	47.927	60.375	60.782	61.192
Tổng đàn gia cầm	257.008	284.708	573.769	664.220	768.930
Chăn nuôi khác	3.990	4.086	1.344	1.385	1.427

(Nguồn: Niên giám thống kê của huyện Đại Lộc qua các năm)

c. Dịch vụ

Dịch vụ trong nông nghiệp có giá trị sản xuất năm 2014 là 17.653,87 triệu đồng tăng 4,81% so với năm 2013 (Năm 2013 là: 16.843,18 triệu đồng); giai đoạn 2010-2014 tăng bình quân 13,53%/năm. Dịch vụ là nhóm có mức tăng bình quân cao nhất của ngành nông nghiệp, nhưng có tỷ trọng khá khiêm tốn so với giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp chiếm 4,28%.

2.2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua huyện đã tập trung khai thác các tiềm năng và lợi thế, khắc phục khó khăn, huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp nên ngành nông nghiệp nói chung trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nói riêng có xu hướng chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực.

*Bảng 2.4. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp huyện (2010-2014)**ĐVT: %*

	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng	100	100	100	100	100
Trồng trọt	73,36	69,67	70,65	68,63	67,66
Chăn nuôi	23,08	27,29	26,48	27,08	28,06
Dịch vụ	3,56	3,04	2,87	4,29	4,28

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện qua các năm)

Qua bảng trên cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất trên địa bàn huyện đã có sự chuyển biến nhưng tốc độ chuyển dịch còn chậm. Năm 2010 trồng trọt chiếm 73,36% đến năm 2014 giảm xuống 67,66%; chăn nuôi năm 2010 chiếm 23,08% đến năm 2014 tăng lên 28,06%; dịch vụ tăng từ 3,56 năm 2010 lên 4,28% năm 2014.

Cơ cấu ngành trồng trọt

Năm 2014 nhóm cây lương thực và rau đậu những năm qua tạo ra giá trị sản xuất lớn đã đóng góp tích cực cho trồng trọt phát triển mạnh của huyện, cụ thể nhóm cây lương thực chiếm 41,36% (năm 2010) tăng lên 47,62% (năm 2014); nhóm cây Rau, đậu cũng có xu hướng tăng cao, chiếm tỷ trọng 21,01% (năm 2010) tăng lên 25,69% (năm 2014). Bên cạnh những nhóm cây đã tạo gia giá trị sản xuất lớn thì nhóm cây ăn quả đã giảm tỷ lệ đóng góp từ 31,70% (năm 2010) giảm xuống còn 20,12% (năm 2014).

*Bảng 2.5. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp huyện (2010-2014)**DVT: %*

	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng	100	100	100	100	100
Trồng trọt	73,36	69,67	70,65	68,63	67,66
Chăn nuôi	23,08	27,29	26,48	27,08	28,06
Dịch vụ NN	3,56	3,04	2,87	4,29	4,28

*(Nguồn: Niên giám thống kê huyện qua các năm)***Cơ cấu ngành chăn nuôi**

Những năm qua ngành chăn nuôi của huyện phát triển tương đối ổn định, do người dân đã chú ý đến phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc và gia cầm. Cơ cấu sản xuất ngành chăn nuôi đã có sự chuyển dịch tích cực. Năm 2010 Gia súc chiếm 74,88% nhưng đến năm 2014 giảm xuống còn 56,12%, Gia cầm chiếm 23,78% nhưng đến năm 2014 tăng lên 43,48%, chăn nuôi khác chiếm 1,34% đến năm 2014 giảm xuống còn 0,4%.

*Bảng 2.6. Cơ cấu sản xuất ngành chăn nuôi huyện (2010– 2014)**DVT: %*

	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số	100	100	100	100	100
Gia súc	74,88	66,66	66,30	57,08	56,12
Gia cầm	23,78	32,10	33,09	42,50	43,48
Chăn nuôi khác	1,34	1,24	0,60	0,42	0,40

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện qua các năm)

2.2.3. Thực trạng sử dụng các yếu tố nguồn lực

a. Đất đai

Cơ cấu sử dụng đất của huyện Đại Lộc đang chuyển dịch theo hướng phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện và dần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 2014 đất sản xuất nông nghiệp nói chung tăng thêm 154,01 ha so với năm 2010 (8.264,07-8.418,08); trong đó chủ yếu do đất trồng cây lâu năm tăng 202,05 ha, còn đất trồng cây hàng năm giảm 48,04ha. Đến năm 2014 đất chưa sử dụng còn nhiều với 5.628,25 ha.

b. Lao động

Lao động nông nghiệp của huyện rất dồi dào do dân số khá đông, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế xã hội, nhưng cũng là một gánh nặng về giải quyết việc làm và cải thiện đời sống cho người dân.

Bảng 2.7. Tình hình lao động trong SXNN huyện (2010-2014)

	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng LĐ	Người	97.286	91.448	91.931	94.952	95.845
LĐ NN	Người	52.107	50.691	50.219	52.341	51.265
Tỷ lệ LĐ NN	%	53,56%	55,43%	54,63%	55,12%	53,48%
Đất NN	Ha	43.170,24	43.226,60	43.119,79	43.303,83	43.245,13
- Đất SXNN	Ha	8.264,07	8.233,29	8.221,26	8.407,23	8.418,08
Số LĐ/ha đất NN	LĐ /ha	1,21	1,17	1,16	1,21	1,19
- Đất SXNN	LĐ /ha	6,31	6,16	6,11	6,23	6,09

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Đại Lộc qua các năm)

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch, tổng số lao động năm 2010 là 52.107 người đến năm 2014 giảm xuống còn 51.265 người.

Mức độ sử dụng lao động bình quân 1ha đất nông nghiệp là 1,19-1,21 lao động/ha, đất sản xuất nông nghiệp là 6,09-6,31 lao động/ha.

c. Vốn đầu tư

Vốn là yếu tố quan trọng đảm bảo cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2.8. Nguồn vốn đầu tư trong SXNN của huyện (2010-2014)

DVT: triệu đồng

Năm	Tổng số	NSTW	NS Tỉnh	NS huyện	NS Xã	Nhân dân đóng góp
2010	25.811	5.913	6.295	3.637	1.575	8.391
2011	28.392	6.504	6.924	4.001	1.733	9.230
2012	38.238	10.111	9.911	5.477	2.482	10.257
2013	37.727	9.877	9.677	5.441	2.814	9.918
2014	44.124	15.900	10.530	5.213	2.627	9.854

(Nguồn: Phòng Tài chính huyện qua các năm)

Qua bảng số liệu cho thấy nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp của huyện chưa được đa dạng hoá chủ yếu từ ngân sách cấp (từ trung ương đến xã) và nhân dân đóng góp, năm 2010 tổng vốn đầu tư của toàn huyện là 25.811 triệu đồng lên 44.124 triệu đồng vào năm 2014. Trong đó năm 2010 vốn từ ngân sách chiếm 67,49 %, vốn nhân dân đóng góp 32,51 %; năm 2014 vốn ngân sách chiếm 77,67 %, vốn nhân dân đóng góp 22,33%.

d. Khoa học công nghệ

Huyện trú trọng công tác sản xuất hạt giống cây trồng các loại và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ truyền tinh nhân tạo cho lợn và bò, chương trình bò lai sind và heo giống Móng Cái hóa đàn lợn và áp dụng quy trình sản xuất tiến tiến, đảm bảo an toàn môi

trường.

2.2.4. Tình hình tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

a. Kinh tế trang trại

Trong những năm qua, trang trại nhìn chung đã có sự chuyển biến lớn từ 7 trang trại năm 2010 đến năm 2014 có 13 trang trại, phần lớn các trang trại mới đi vào hoạt động, quy mô không lớn, giá trị sản xuất hàng hóa còn hạn chế, do đó chưa giải quyết được nhiều công ăn việc làm cho lực lượng lao động của huyện.

b. Kinh tế hợp tác xã

Tính đến hết năm 2014 toàn huyện có 17 hợp tác xã, các hợp tác xã đa số hoạt động trung bình, hình thức hoạt động đa dạng như: dịch vụ thủy lợi, bảo vệ thực vật, cung cấp vật tư, phân bón...

c. Tình hình liên kết trong nông nghiệp

Liên kết sản xuất giữa nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp đã khẳng định được hiệu quả kinh tế, thông qua liên kết sản phẩm làm ra cũng được thu mua hết với giá cao hơn lúa thương phẩm từ 20 - 25%. Xây dựng cánh đồng sản xuất rau xanh được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGap.

2.2.5. Tình hình thâm canh trong nông nghiệp

- Tình hình áp dụng giống mới: huyện Đại Lộc đã mạnh dạn liên kết sản xuất hạt giống lúa lai ở các xã Đại Nghĩa, Đại Quang và thị trấn Ái Nghĩa... với tổng diện tích hàng nghìn ha. Sản xuất giống lúa lai F1 và các giống lúa như Nhị ưu 838, Bắc ưu 903, Nam ưu 604, LC 25, HYT 100, HYT 108, CT16...

- Tình hình đầu tư máy móc: Tính đến hết năm 2014 toàn huyện có 393 máy cày các loại, 110 máy gặt đập liên hợp, 69 máy gặt xếp hàng và 2 máy sấy lúa. Tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt 73,1 %, khâu thu hoạch đạt 47,9 %.

*Bảng 2.9. Năng suất cây trồng huyện (2010-2014)**DVT: tạ/ha*

	2010	2011	2012	2013	2014
Lúa	58,97	58,65	59,99	59,93	59,97
Ngô	59,57	58,29	59,57	62,72	63,52
Khoai lang	92,5	92,5	92,5	94	94
Sắn	153	150,7	148	149	147,5
Thuốc lá	26,2	27,3	28	30,5	32
Đậu phụng	23	20	24,5	27,2	28,5
Đậu nành	18,1	17,63	18	18,5	19
Ót	104	100	110	111,12	112,25
Đậu xanh	24,93	24	23	23,41	24
Đậu cove	19	17	18	22	22,7
Cải các loại	154,06	152,73	162,63	177,07	178,27

*(Nguồn: Niên giám thống kê của huyện qua các năm)***2.2.6. Kết quả và đóng góp của nông nghiệp của huyện*****a. Đóng góp của nông nghiệp huyện với phát triển kinh tế của huyện***

Giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2010-2014 tăng trưởng bình quân là 5,12% và đóng góp vào giá trị sản xuất của huyện là 11,24%.

Năm 2014 ngành nông nghiệp đóng góp vào ngân sách của huyện 412,375 tỷ đồng (giá 1994), tăng 5,11 % so với năm 2013 (Năm 2013 ngành nông nghiệp đóng góp 392,327 tỷ đồng). Tổng diện tích gieo trồng 17.434 ha, sản lượng lương thực cây có hạt thu được 64.525 tấn.

b. Thu nhập và đời sống của nông dân huyện Đại Lộc

Tính đến cuối năm 2014 mức thu nhập bình quân đầu người tăng lên rõ rệt đạt 21.460.000 đồng/người, tăng 49% so với năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,09%.

2.3. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠI LỘC

2.3.1. Những kết quả đạt được

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp bước đầu đã thu được hiệu quả

Công tác dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp đã giúp cho nông dân hạn chế tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún.

Hệ thống sử dụng đất đạt 1,79 lần tăng 0,24 lần so với năm 2008.

2.3.2. Những mặt hạn chế trong sản xuất nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn chậm.

Sản phẩm nông sản được sản xuất nhưng chưa có nhiều cơ sở chế biến.

Sản xuất nông nghiệp vẫn còn mang tính chất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu chương trình đột phá.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Khi điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

Chưa có sự liên kết chặt chẽ trong công tác tiêu thụ sản phẩm hạn chế.

Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ

Công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo chưa sâu sát.

Cơ giới hóa trong nông nghiệp còn hạn chế.

Chưa triển khai được các cơ sở sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI LỘC TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.1. CĂN CỨ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Các yếu tố môi trường

a. Môi trường tự nhiên

b. Môi trường kinh tế

c. Môi trường xã hội

3.1.2. Quy hoạch, Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp

huyện Đại Lộc

a. Quy hoạch tổng thể của huyện Đại Lộc đến năm 2020

* Quan điểm phát triển và các mục tiêu chủ yếu

- Quan điểm

- Các mục tiêu chủ yếu.

* Nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện và bền vững, gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái.

- Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân 4%/năm.

- Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đến năm 2020 là 10.400 ha.

- Phát triển diện tích cây hàng năm theo hướng tập trung chuyên canh để cung cấp nguyên liệu.

- Phát triển kinh tế vườn nhằm chuyển vườn tạp thành vườn trồng cây có giá trị kinh tế cao.

- Đến năm 2020 có khoảng 20 trang trại đạt tiêu chí Bộ NN&PTNT.

- Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa đến năm 2020 đạt 40% trong giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

b. Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp huyện Đại Lộc giai đoạn 2016-2020

- Kế hoạch giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020: 556,56 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng trung bình qua 5 năm (từ 2016 – 2020): 4,5%/năm.

- Năm 2020: Cơ cấu giá trị sản xuất trong nội bộ ngành nông nghiệp giữa: trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp theo thứ tự: 52% : 40% : 8%.

- Đến năm 2020 trên địa bàn huyện có 18-20 trang trại đạt giá trị sản xuất hàng hóa trên 1 tỷ đồng theo tiêu chí Thông tư số 27/2011/TT/BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠI LỘC

3.2.1. Hoàn thiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo khu vực

Kiểm tra lại thực tế đất đai, điều chỉnh quy hoạch sao cho hình thành các vùng sản xuất chính phù hợp với thực tế của địa phương giúp cho các hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp huyện phát triển một cách đúng hướng, ổn định, tạo tiền đề cho nông nghiệp phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Quy hoạch đến năm 2020 như sau:

- * *Quy hoạch bố trí đất cho vùng sản xuất tập trung*
- * *Quy hoạch sản xuất trồng trọt*
- * *Quy hoạch ngành chăn nuôi*

3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ trong ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có khả năng cạnh tranh, bằng cách gắn kết chặt chẽ giữa áp dụng khoa học công nghệ với tổ chức sản xuất, chế biến, phân phối.

3.2.3. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nông nghiệp

a. Đất đai

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài.
- Đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa để hình thành vùng chuyên canh.

b. Lao động

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn nhân lực gắn với các mục tiêu phát triển nông nghiệp của huyện.
- Mở các lớp đào tạo, tập huấn cho các đối tượng như người sản xuất nông nghiệp, chủ trang trại, những người quản lý.

c. Vốn

- Tranh thủ vốn ngân sách
- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế gia trại, kinh tế trang trại

d. Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật

Đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, đời sống. Thực hiện tốt xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ.

3.2.4. Hoàn thiện tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

a. Hợp tác xã

Chấn chỉnh lại nhận thức và bản chất, mô hình hợp tác xã,

làm rõ lợi ích và lợi thế của hợp tác xã để tạo động lực cho xã viên.

Sáp nhập, hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp kém hiệu quả.

b. Trang trại

- Ưu tiên phát triển các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm

- Tổ chức cung cấp thông tin thị trường, khoa học kỹ thuật để giúp trang trại định hướng sản xuất kinh doanh

- Thực hiện chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ thuật cho các trang trại.

3.2.5. Mở rộng trong liên kết sản xuất và tiêu thụ.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến nông sản

- Đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ nông sản như liên kết với các doanh nghiệp đầu tư con giống, cây giống, vốn và bao tiêu sản phẩm.

- Thực hiện tốt mô hình liên kết 4 nhà.

3.2.6. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp

- Huyện cần tổ chức triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy nhanh và mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp.

- Đầu tư xây dựng, phát triển thêm hệ thống thủy lợi mới.

3.2.7. Giải pháp khác

a. Đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

b. Giải pháp về thị trường

Liên kết doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất bao tiêu sản phẩm.

Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về khuyến khích và tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại thông qua liên kết liên doanh để mở rộng sản xuất, dự báo thị trường...

c. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới để hướng đến nền nông nghiệp công nghệ cao

Tái cơ cấu nông nghiệp phải gắn liền với xây dựng nông thôn mới, đây là 2 vấn đề gắn kết chặt chẽ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm. “Tái cơ cấu nông nghiệp thành công chỉ khi chúng ta ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp”,

d. Hoàn thiện một số chính sách liên quan

*** Chính sách đất đai**

- Đẩy nhanh tiến độ cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp, đến từng hộ nông dân theo chủ trương của Nhà nước.

- Ưu tiên và khuyến khích các nông hộ mở trang trại nông nghiệp, thông qua các chính sách cấp, cho thuê đất sử dụng lâu dài.

*** Chính sách tín dụng nông thôn**

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng Chính sách xã hội nên dành ưu tiên cho nông nghiệp, nông thôn.

- Cộng đồng hóa các hoạt động tài chính phục vụ nông nghiệp nông thôn.

*** Chính sách phát triển nguồn nhân lực**

- Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực dài hạn.

- Có cơ chế, chính sách và đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ có trình độ.

- Thực hiện các hoạt động đào tạo mới và đào tạo lại.

- Đi đôi với việc đào tạo bồi dưỡng, phải bố trí, sử dụng tốt nguồn nhân lực đã được đào tạo.

KẾT LUẬN

Nông nghiệp luôn là ngành kinh tế chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đại lộc. Chính vì vậy, trong những năm qua, sự quan tâm của hệ thống chính trị và nỗ lực của giai cấp nông dân, sản xuất nông nghiệp, đời sống nông dân trên địa bàn huyện Đại Lộc đã có nhiều tiến bộ và đạt được nhiều thành tựu nổi bật, đảm bảo an ninh lương thực. Tuy vậy, những tiến bộ và kết quả đạt được còn thấp, các thế mạnh tiềm năng nông nghiệp chưa được khai thác hiệu quả. Việc huy động sử dụng các nguồn lực, thâm canh tăng năng suất lao động, đẩy mạnh hoạt động sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn. Hơn nữa, sản xuất nông nghiệp ở Đại Lộc còn manh mún, nhỏ lẻ bên cạnh đó chịu ảnh hưởng của rủi ro do thiên tai, dịch hại và yếu tố bất lợi do cơ chế thị trường mang lại... Do vậy, để nông nghiệp huyện Đại Lộc phát triển và hội nhập đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và cả hệ thống chính trị cần có những giải pháp đồng bộ, hữu hiệu hơn nữa, thúc đẩy mạnh mẽ phát triển nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân.